

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẠI CAU**

Số: 177/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trại Cau, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán vốn đầu tư XD CB theo niên độ
ngân sách năm 2025 của UBND xã Trại Cau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRẠI CAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND xã Trại Cau về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Trại Cau;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 29/TTr-PKT ngày 25/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán vốn đầu tư XD CB theo niên độ ngân sách năm 2025 của UBND xã Trại Cau như sau:

- Biểu mẫu 03/CKTC- ĐTXD: Số liệu quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm của từng dự án

(01 biểu kèm theo Quyết định này)

- Hình thức công khai: Công khai tại trụ sở UBND xã, công bố trong hội nghị cơ quan, Trang thông tin điện tử của xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Trưởng thôn (24 thôn);
- Lưu: VT, KT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Mạnh Hùng



CÔNG KHAI VỀ SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ THEO NIÊN ĐỘ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 177/QĐ - UBND ngày 26/3 /2026 của UBND xã Trại Cau)

ĐVT: Triệu đồng

		Tổng mức vốn vốn ĐT được duyệt	Tổng dự toán được duyet	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Vốn đã thanh toán		Ghi chú
					Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số	28.828,08	-	13.075,92	24.092,26	11.774,84	24.092,26	11.774,84	-
I	Vốn thiết kế quy hoạch								
1	Dự án ...								
II	Vốn chuẩn bị đầu tư								
1	Dự án ...								
III	Vốn thực hiện dự án	28.828,08	-	13.075,92	24.092,26	11.774,84	24.092,26	11.774,84	-
A	Dự án nhóm A								
1	Dự án ...								
B	Dự án nhóm B								
1	Dự án ...								
C	Dự án nhóm C	28.828,08	-	13.075,92	24.092,26	11.774,84	24.092,26	11.774,84	-
1	Dự án Đề án đề nghị công nhận thị trấn Trại Cau và khu vực mở rộng huyện Đông Hy đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	531,00		159,00	372,00	-	372,00	-	
2	Dự án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Đông Hy giai đoạn 2025-2033	274,00		274,00	187,20	187,20	187,20	187,20	
3	Dự án Xây nhà khám chữa bệnh trạm y tế xã Hợp Tiến	786,81		379,63	740,11	313,74	740,11	313,74	
4	Dự án Mở rộng đường giao thông liên xóm Bảo Nang, Làng Chàng, Cầu Lưu	2.404,16		2.600,00	2.154,62	2.154,62	2.154,62	2.154,62	
5	Dự án Cải tạo sửa chữa sân khu thể thao xã Hợp Tiến	250,32		6,75	219,25	-	219,25	-	
6	Dự án Cải tạo, sửa chữa sân trường Tiểu học Hợp Tiến, huyện Đông Hy	585,21		42,37	494,38	-	494,38	-	
7	Dự án Cải tạo, sửa chữa sân trường mầm non Hợp Tiến, huyện Đông Hy	349,00		24,75	292,78	-	292,78	-	
8	Dự án Xây dựng kênh mương xóm Bảo Nang, xã Tân Lợi	270,00		2,53	248,47	-	248,47	-	
9	Dự án Mở rộng đường giao thông và xây dựng cổng làng xóm Cầu Lưu, xã Tân Lợi	294,64		7,96	272,04	-	272,04	-	
10	Dự án Xây dựng mương thoát nước thải khu dân cư xóm Bảo Nang, xã Tân lợi	199,24		11,68	188,33	-	188,33	-	
11	Dự án Xây dựng sân khấu và công trình phụ trợ nhà văn hoá xóm Na Tiêm, xã Tân Lợi	236,15		4,91	220,09	-	220,09	-	
12	Dự án Xây dựng kênh mương xóm Cầu Lưu, xã Tân Lợi	534,90		2,93	490,07	-	490,07	-	
13	Dự án Xây dựng sân khấu và công trình phụ trợ nhà văn hoá xóm cầu Lưu, xã Tân lợi	237,13		3,06	221,94	-	221,94	-	
14	Dự án Xây dựng công, sân, mái che Trạm y tế xã Tân Lợi	336,98		2,99	317,01	-	317,01	-	
15	Dự án Đầu tư hệ thống thu gom xử lý rác thải vệ sinh môi trường nông thôn xóm Làng Chàng, xã Tân lợi (giai đoạn 2)	391,02		2,17	357,83	-	357,83	-	
16	Dự án Đường bê tông xóm Suối Khách, xã Hợp Tiến (giai đoạn 2)	649,65		202,41	522,41	202,41	522,41	202,41	
17	Dự án Cải tạo nâng cấp đường bê tông xóm Đèo Hanh xã Hợp Tiến	555,35		342,90	541,98	318,48	541,98	318,48	
18	Dự án Cải tạo sửa chữa sân và các công trình phụ trợ trạm y tế xã Hợp Tiến	449,10		408,82	439,84	303,65	439,84	303,65	
19	Dự án Đường bê tông xóm Đoàn Kết, xã Hợp Tiến (giai đoạn 2)	394,10		64,00	294,00	64,00	294,00	64,00	
20	Dự án Mở rộng đường giao thông xóm Làng Chàng, xã Tân Lợi	643,41		97,91	627,06	87,48	627,06	87,48	
21	Dự án Cải tạo, sửa chữa kênh mương xóm Cầu Đã, xã Tân Lợi (giai đoạn 2)	472,40		69,03	380,16	67,16	380,16	67,16	
22	Dự án Đường bê tông xóm Đèo Bụt (giai đoạn 4)	265,34		217,80	217,80	217,80	217,80	217,80	
23	Dự án Đường bê tông xóm Suối Khách (Giai đoạn 3)	263,98		217,70	217,70	217,70	217,70	217,70	
24	Dự án Đường bê tông xóm Cao Phong (giai đoạn 3)	1.291,86		1.077,70	1.077,70	1.077,70	1.077,70	1.077,70	
25	Dự án Đường bê tông xóm Mỏ Sắt (Giai đoạn 4)	607,09		500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	
26	Dự án Đường bê tông xóm Đồn Trinh (Giai đoạn 4)	545,74		500,70	450,16	450,16	450,16	450,16	
27	Dự án Xây dựng kênh mương xóm Làng Chàng	693,51		694,00	652,54	652,54	652,54	652,54	
28	Dự án Đường bê tông xóm Làng Chàng, xã Tân Lợi	314,98		65,85	65,85	65,85	65,85	65,85	
29	Dự án Đường bê tông xóm Cầu Lưu, xã Tân Lợi	59,75		12,44	12,44	12,44	12,44	12,44	
30	Dự án Đường bê tông xóm Bảo Nang, xã Tân Lợi	203,89		42,59	42,59	42,59	42,59	42,59	
31	Dự án Đường bê tông xóm Đèo Bụt, xã Hợp Tiến (giai đoạn 2)	797,64		80,72	566,72	80,72	566,72	80,72	
32	Dự án Đường bê tông xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến (giai đoạn 2)	732,34		224,19	609,19	224,19	609,19	224,19	
33	Dự án Cải tạo, sửa chữa kênh mương xóm Bảo Nang, xã Tân Lợi	208,82		7,42	192,58	-	192,58	-	
34	Dự án Cải tạo, sửa chữa kênh mương xóm Cầu Đã, xã Tân Lợi	844,24		38,33	761,67	-	761,67	-	
35	Xây dựng kênh mương xóm Đồng Lâm, xã Tân Lợi	470,09		70,90	466,04	67,18	466,04	67,18	
36	Dự án. Đường bê tông xóm Đồn Trinh xã Hợp Tiến (Giai đoạn 2)	645,36		114,00	524,00	114,00	524,00	114,00	

		Tổng mức vốn vốn ĐT được duyệt	Tổng dự toán được duyet	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Vốn đã thanh toán		Ghi chú
					Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
37	Dự án Nhà văn hoá xóm Bãi Bông xã Hợp Tiến	893,54		51,10	481,10	51,10	481,10	51,10	
38	Dự án Đường bê tông xóm Cao Phong , xã Hợp Tiến (giai đoạn 2)	586,68		86,00	471,00	86,00	471,00	86,00	
39	Dự án Đường bê tông xóm Mỏ Sắt, xã Hợp Tiến (giai đoạn 2)	645,36		112,00	521,00	112,00	521,00	112,00	
40	Dự án Nhà văn hoá xóm Đồn Trinh xã Hợp Tiến	809,89		59,75	479,75	59,75	479,75	59,75	
41	Dự án Đường bê tông xóm Đèo Bụt, xã Hợp Tiến (giai đoạn 2)	797,64		80,72	566,72	80,72	566,72	80,72	
42	Dự án Đường bê tông xóm Mỏ Sắt (Giai đoạn 3)	667,34		550,40	550,40	550,40	550,40	550,40	
43	Dự án Đường bê tông xóm Bãi Vàng (Giai đoạn 3)	859,03		700,70	700,70	700,70	700,70	700,70	
44	Dự án Đường bê tông xóm Bãi Bông (Giai đoạn 3)	363,83		250,00	250,00	250,00	250,00	250,00	
45	Dự án Xây dựng kê đá, xây dựng sân và tường rào trường mầm non Hợp Tiến - Điểm trường Đèo Bụt	811,00		811,00	783,69	783,69	783,69	783,69	
46	Dự án Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các công trình phụ trợ trường TH Hợp Tiến	1.767,97		101,51	1.632,59	54,10	1.632,59	54,10	
47	Hỗ trợ xây dựng nhà mới cho các hộ theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, xã Tân Lợi	184,00		46,00	92,00	-	92,00	-	
48	Dự án Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ dân theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xã Trai	92,00		92,00	92,00	92,00	92,00	92,00	
49	Dự án Nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Bãi Bông, xã Hợp Tiến	1.560,60		1.560,60	1.532,76	1.532,76	1.532,76	1.532,76	